

Bản án số: 485/2022/DS-ST

Ngày 21/4/2022

*V/v Tranh chấp liên quan đến yêu cầu
tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Tường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hồng Hương

2. Bà Lê Thị Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Phạm Duy Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 14 và 21/4/2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2015/TLST-DS ngày 14/4/2015, về việc “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 988/2022/QĐXXST-DS ngày 22/3/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn N, sinh năm 1941 (chết ngày 11/7/2019).

Địa chỉ: C V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Ngọc N1, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Tổ A, Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: 37-39 Ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.2. Bà Lý Thị Thu H, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: 4845 Raw Umber CT, L, NV H, USA.

Địa chỉ liên hệ: 3929 Robin Knot CT North L, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà Dương Thị Diệu T, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: 40/7 T, đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Luật sư Trần Công M, Văn phòng L2, Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

1.3. Bà Lý Thị Thu T1, sinh năm 1969 (vắng mặt)

1.4. Bà Lý Thị Thu V, sinh năm 1971 (vắng mặt)

1.5. Bà Lý Thị Thu T2, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: A L, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: B N, Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Minh T3, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: B N, Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: A, tổ C, Khu H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3.2. Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: A Khu C, Khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

3.3. Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ: E R S, F.

3.4. Ông Nguyễn Văn T6, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: C đường V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: F M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.6. Ông Nguyễn Kim C, sinh năm 1949 (vắng mặt)

3.7. Nguyễn Mai Thu P, sinh năm 1979 (vắng mặt)

3.8. Nguyễn Mai Trung P1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

3.9. Nguyễn Mai Hậu P2, sinh năm 1985 (vắng mặt)

3.10. Nguyễn Mai Uy P3, sinh năm 1988 (vắng mặt)

3.11. Nguyễn Mai Ngọc P4, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: F Ấp S, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N ngày 08/01/2015, Bản tự khai ngày 17/6/2015, các Biên bản không tiến hành hòa giải được và ghi nhận ý kiến của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc nhà đất tại số A Đường số D, Phường A, quận T (nay là số C V, phường P, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh là do ông Nguyễn Văn K và bà Võ Thị H1 sử dụng, canh tác từ năm 1964, trong đó có một căn nhà cấp 3 do bà H1 xây cất từ năm 1990. Ông K chết năm 1994, bà H1 lập chúc thư bằng giấy tay ngày 01/8/1997 chia nhà đất cho 07 người con mỗi người một phần với diện tích $(4m \times 20m) \times 7 \text{ người} = 560 m^2$. Trong đó phần của ông N (con riêng của bà H1) là căn nhà số A V (số mới C V). Ông đã sử dụng ổn định từ năm 1964 cho đến nay.

Năm 2006 bà H1 chết. Các con hàng thừa kế thứ nhất của bà H1 gồm: ông Lê Văn N (con riêng của bà H1) và các con của bà H1 và ông K gồm: bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị N2, ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị T5, ông Nguyễn Văn T6, bà Nguyễn Thị L.

Do nhà đất đã được phân chia nên ông lập hồ sơ đề nghị xin cấp mới Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở. Tại đây, ông mới phát hiện vị trí nhà đất ông yêu cầu cấp Giấy chứng nhận có sự trùng lặp ranh hoàn

toàn với số nhà C V, phường P, quận T của ông Nguyễn Văn T6, đã được Ủy ban nhân dân quận T cấp Giấy chứng nhận số CH00105 ngày 08/3/2012 cho ông Nguyễn Văn T6 (là đại diện cho các ông bà B, T4, T5 (ủy quyền cho bà N2), T6, L là những người được thừa kế quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của cha mẹ là ông Nguyễn Văn K, bà Võ Thị H1.

Theo Văn bản khai nhận di sản thừa kế số 1345, quyền số 01, ngày 17/01/2011, được công chứng tại Phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh thì không có tên ông N trong hàng thừa kế thứ nhất.

Do đó, ông khởi kiện yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với Văn bản khai nhận thừa kế số 1345 do Phòng Công chứng số 5 Thành phố C1 lập ngày 17/01/2011.

Tại các Bản tự khai ngày 10/12/2020, Tờ tường trình cam kết ngày 25/7/2019, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N1 trình bày:

Bà và ông Lê Văn N chung sống như vợ chồng từ năm 1988 đến khi ông N chết năm 2019. Bà và ông N chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn và không có con chung, tài sản chung.

Tại các Bản tự khai cùng ngày 27/10/2020 và 27/4/2021, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Lý Thị Thu H, bà Lý Thị Thu T1, bà Lý Thị Thu V, bà Lý Thị Thu T2 trình bày:

Cha mẹ của chúng tôi là ông Lê Văn N, chết ngày 11/7/2019 và bà Lê Thị S, chết ngày 17/3/2018. Ông N và bà S chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn và có 04 người con là Lý Thị Thu T1, Lý Thị Thu V, Lý Thị Thu V và Lý Thị Thu H.

Mẹ của chúng tôi tên theo giấy tờ là Lý Thị S1 (tên thường gọi là T7, vì mẹ chúng tôi là con thứ tư trong gia đình). Trong gia đình chúng tôi không có ai tên Lý Thị T8, sinh năm 1944. Khi khai bản nhân khẩu NK1, năm 1994 có lẽ ông N nhầm lẫn khai tên vợ là Lý Thị T8, sinh năm 1944.

Tại Bản tự khai ngày 15/7/2015, Biên bản không tiến hành hòa giải được và ghi nhận ý kiến của các đương sự, bị đơn Phòng Công chứng số 5 Thành phố C1 ủy quyền cho ông Nguyễn Minh T3 đại diện trình bày:

Văn bản khai nhận di sản thừa kế đối với căn nhà tại địa chỉ: 1 Đường số D, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số C V, phường P, quận T), được Công chứng viên Phòng Công chứng số 5 Thành phố C1 chứng nhận ngày 17/01/2011, số công chứng 1345, là phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn K (chết ngày 29/8/1994) và bà Võ Thị H1 (VõThị Năm) (chết ngày 09/6/2006) là chủ sở hữu tài sản nêu trên. Ông Nguyễn Văn T9 (là một trong các người con của ông K và bà H1) đã liên hệ Phòng Công chứng số 5, để yêu cầu khai nhận di sản thừa kế đối với tài sản này và xuất trình các giấy tờ như sau:

1. Quyết định của Ủy ban nhân dân quận T số 26/QĐ-PB-UB ngày 09/9/1997, về việc cấp phó bản Giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà. 2. Tờ khai chuyển dịch tài sản nộp lệ phí trước bạ ngày 16/6/1993. 3. Tường trình quan hệ nhân thân ngày 03/11/2010. 4. Giấy chứng tử của ông Nguyễn Văn K và bà Võ Thị H1. 5. Giấy cam kết ngày 03/11/2010 của ông Nguyễn Văn T6. 6. Giấy uỷ quyền của bà Nguyễn Thị T5 (là con của ông K và bà Hiệp). 7. Đơn đề nghị xác nhận số nhà có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường P, quận T, TP. ngày 15/12/2010.

8. Quyết định số 10525/QĐ-HT ngày 15/8/1997 của Sở T10, về việc thay đổi hộ tịch của 06 người con của ông Nguyễn Văn K và bà Võ Thị H1.

9. Giấy khai sinh của 06 (sáu) người con của ông K và bà H1. 10. Giấy tờ tùy thân và hộ khẩu của 06 (sáu) người con của ông K và bà H1.

Trong hồ sơ mà người yêu cầu công chứng cung cấp chỉ kê khai ông Khiển và bà H1 có 06 (sáu) người con là các ông (bà) Nguyễn Thị Bông, Nguyễn Thị N3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Thị T5, Nguyễn Văn Thành và Nguyễn Thị L1, không có tên ông Lê Văn N4. Căn cứ vào hồ sơ và yêu cầu của đương sự, Phòng C1 đã có Văn bản số 1123/CC5 ngày 26/11/2010, yêu cầu niêm yết Văn bản khai nhận thừa kế và được Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh niêm yết tại trụ sở phường từ ngày 29/11/2010 (theo xác nhận ngày 29/11/2010 của Ủy ban nhân dân phường P, quận T).

Sau khi hết thời hạn niêm yết 30 ngày theo quy định của pháp luật, Phòng Công chứng số 5 Thành phố C1 không nhận được bất kỳ tranh chấp, khiếu nại, tố cáo nào đối với việc khai nhận di sản thừa kế. Ngày 17/01/2011, Công chứng viên Phòng công chứng số 5 Thành phố C1 đã chứng nhận Văn bản khai nhận thừa kế số công chứng 1345 nêu trên. Trong văn bản thể hiện những người khai thừa kế đã đọc lại, hiểu rõ nội dung, đồng ý tự nguyện ký tên, điểm chỉ vào văn bản và xuất trình bản chính các giấy tờ nêu trên để Công chứng viên đối chiếu, tiến hành chứng nhận văn bản và hoàn tất hồ sơ.

Như vậy, việc Công chứng viên Phòng chứng số 5 Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận văn bản khai nhận di sản thừa kế nêu trên là theo đúng trình tự, thủ tục quy định. Việc bỏ sót người thuộc hàng thừa kế là lỗi của những người khai nhận di sản. Do đó, Phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với Văn bản khai nhận thừa kế số 1345 do Phòng Công chứng số 5 Thành phố C1 lập ngày 17/01/2011.

Tại Biên bản lấy lời khai do Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai lập ngày 25/12/2015, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N3 trình bày:

Cha mẹ của bà là ông Nguyễn Văn K và bà Võ Thị H1 chung sống với nhau có 06 người con gồm: Bà Nguyễn Thị B (đã chết), bà Nguyễn Thị N3, ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị T5, ông Nguyễn Văn T6 và bà Nguyễn Thị L1. Ngoài ra, ông K và bà H1 không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Nguồn gốc nhà đất tại số A Đường số D, Phường A, quận T là do ông K mua vào năm 1960. Đến năm 1994, ông K chết. Từ năm 1998, thì mẹ con của tôi xây lại căn nhà như hiện nay và nhà đất hiện nay do em trai là Nguyễn Văn T6 quản lý, sử dụng. Trước khi chết cha mẹ của tôi không có lập di chúc.

Trước đây, tôi có ký tên vào bản khai nhận di sản thừa kế đối với nhà, đất nêu trên, khi công chứng có mặt 05 anh chị em gồm bà B, ông T4, ông T6, bà L1 và tôi (Nở), bà T5 ở nước ngoài thì đã ủy quyền cho tôi ký vào bản khai nhận di sản thừa kế công chứng tại Phòng C1.

Tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N, yêu cầu tuyên bố Văn bản khai nhận di sản thừa kế vô hiệu, vì ông N không liên quan gì đến tài sản nêu trên. Tôi từ chối không tham gia tố tụng, vì công chứng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản ghi lời khai do Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai lập ngày 07/12/2015, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T4 trình bày:

Cha mẹ của ông là ông Nguyễn Văn K và bà Võ Thị H1 chung sống với nhau có 06 người con gồm: Bà Nguyễn Thị B (đã chết), bà Nguyễn Thị N3, ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị T5, ông Nguyễn Văn T6 và bà Nguyễn Thị L1. Ông K và bà H1 không có con nuôi. Bà H1 có một người con riêng là ông Lê Văn N.

Nguồn gốc nhà đất tại số A Đường số D, Phường A, quận T là do cha mẹ của tôi tạo lập, nên trước khi chết thì cha mẹ tôi không để lại di chúc.

Tôi có ký tên vào Văn bản khai nhận di sản thừa kế đối với nhà, đất tại số A Đường số D, Phường A, quận T (nay là số C V, phường P, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh tại Phòng C1. Quá trình khai nhận di sản thừa kế thì tôi không nhớ rõ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N, yêu cầu tuyên bố vô hiệu Văn bản khai nhận di sản thừa kế số 1345 do Phòng Công chứng số 5 Thành phố C1 lập ngày 17/01/2011, ông không đồng ý vì ông N không có quyền yêu cầu hủy hay tuyên bố vô hiệu đối với văn bản khai nhận di sản thừa kế nêu trên.

Tại Bản tự khai có chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An ngày 25/3/2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông/bà Nguyễn Kim C, Nguyễn Mai Thu P, Nguyễn Mai Trung P1, Nguyễn Mai Hậu P2, Nguyễn Mai Uy P3, Nguyễn Mai Ngọc P4 trình bày:

Ông Nguyễn Kim C là chồng của bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1952, chết năm 2014, có chung 05 người con là Nguyễn Mai Thu P, Nguyễn Mai Trung P1, Nguyễn Mai Hậu P2, Nguyễn Mai Uy P3, Nguyễn Mai Ngọc P4. Tất cả những người trong gia đình chúng tôi không tranh chấp tài sản liên quan đến vụ án và xin vắng mặt không tham dự những phiên tòa liên quan đến tài sản là toàn bộ căn nhà số A Đường số D, Phường A, quận T (nay là số C V, phường P, quận T)

do Văn bản khai nhận thừa kế số 1345 của Phòng Công chứng số 5 Thành phố C1 lập ngày 17/01/2011.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

+ Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Lê Văn Nghĩa 1 bà Lý Thị Thu H ủy quyền cho bà Dương Thị Diệu T đại diện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với Văn bản khai nhận thừa kế số 1345 do Phòng C1 Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 17/01/2011, với lý do: Văn bản khai nhận thừa kế nêu trên do bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị N3, ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị T5, ông Nguyễn Văn T6, bà Nguyễn Thị L1 khai nhận thừa kế thiếu sót đồng thừa kế là ông Lê Văn Nghĩa 1 con của bà Võ Thị H1 (Võ Thị N5). Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ Giấy phép hợp thức hóa quyền sở hữu nhà số 2833/GP-UB ngày 15/4/1993 và Quyết định của Ủy ban nhân dân quận T về việc cấp phó bản giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà số 26/QĐ-PB-UB ngày 09/9/1997 cùng của Ủy ban nhân dân quận T có căn cứ xác định nguồn gốc căn nhà số A Đường số D, Phường A, quận T (nay là số C đường V, phường P, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh của ông Nguyễn Văn K và bà Võ Thị H1 (Võ Thị N5).

Căn cứ Giấy khai sinh số 631/2014, quyền số 04/2014 do Ủy ban nhân dân phường P, quận T ngày 31/12/2014, có căn cứ xác định ông Lê Văn Nghĩa 1 con ruột của bà Võ Thị H1.

Xét, Văn bản khai nhận thừa kế số 1345 có chứng nhận Phòng Công chứng số 5 Thành phố C1 lập ngày 17/01/2011, do bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị N3, ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị T5, ông Nguyễn Văn T6, bà Nguyễn Thị L1 khai nhận thừa kế thiếu sót đồng thừa kế là ông Lê Văn Nghĩa 1 con của bà Võ Thị H1 (Võ Thị N5), nên Văn bản khai nhận thừa kế nêu trên vô hiệu. Do đó, nguyên đơn yêu cầu tuyên bố vô hiệu Văn bản khai nhận thừa kế số 1345 có chứng nhận Phòng Công chứng số 5 Thành phố C1 lập ngày 17/01/2011 là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Văn N (chết), có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn, yêu cầu tuyên bố Văn bản khai nhận thừa kế số 1345 do Phòng Công chứng số 5 Thành phố C1 lập ngày 17/01/2011, là vô hiệu.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Lê Văn N khởi kiện bị đơn Phòng Công chứng số 5 Thành phố C1, yêu cầu tuyên bố Văn bản khai nhận thừa kế do Phòng Công chứng số 5 Thành phố C1 chứng nhận ngày 17/01/2011 là vô hiệu, nên xác định quan hệ tranh chấp vụ án này “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T5 hiện cư trú tại C Pháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 11 Điều 26; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo Kết quả xác minh của Công an phường P, quận T có nội dung: Ông Nguyễn Văn T6 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại C V, phường P, quận T từ ngày 25/10/1976 đến nay nhưng không thực tế cư trú tại địa phương. Hiện ông T6 tạm trú tại C H, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Theo Kết quả xác minh của Công an phường T, Quận A có nội dung: Tại địa chỉ 352A và 352 không có ai tên Nguyễn Văn T6, sinh năm 1960. Không có ai tên Nguyễn Văn T6, đăng ký thường trú và tạm trú tại địa chỉ 352A và 352 tổ A, khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Căn cứ các giấy tờ giao dịch như Văn bản khai nhận thừa kế ngày 17/01/2011 và các giấy tờ liên quan đến việc lập văn bản khai nhận thừa kế do Phòng Công chứng số 5 Thành phố C1 cung cấp thì địa chỉ của ông Nguyễn Văn T6 tại số A Đường số D, Phường A, quận T (nay là số C đường V, phường P, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài địa chỉ nêu trên, qua xác minh thì hiện nay, không biết ông T6 ở đâu. Do đó, Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T6 tại địa chỉ số A Đường số D, Phường A, quận T (nay là số C đường V, phường P, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Tại Văn bản khai nhận thừa kế (di sản của ông Nguyễn Văn K, chết ngày 29/8/1994 và bà Võ Thị H1 (Võ Thị N5), chết ngày 09/6/2006) có chứng nhận của Phòng Công chứng số 5 Thành phố C1 ngày 17/01/2011 thể hiện: Bà Nguyễn Thị L1, địa chỉ: F M, T, huyện H. Tại các Biên bản tổng đạt thông qua người thứ ba do Văn phòng T11 lập ngày 24/6/2015 và ngày 23/11/2015 đã tổng đạt Giấy triệu tập đương sự cho bà Nguyễn Thị L1 tại địa chỉ nêu trên thông qua cháu của bà L1 và tổ trưởng tổ dân phố. Sau này, theo các biên bản tổng đạt do Văn phòng T11 lập, thì bà L1 đã bán nhà không còn ở tại địa phương. Do đó, Văn phòng T11 tiến hành lập biên bản và niêm yết các văn bản tố tụng cho bà L1 theo địa chỉ: F M, T, huyện H là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 177; Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Theo Kết quả xác minh của Công an quận T ngày 29/3/2021, có nội dung: Qua rà soát hồ sơ số (312300238989) 27025-002623 chưa thấy hồ sơ thể hiện bà Lý Thị T8 và bà Lý Thị S1 là một người và chưa thể hiện hồ sơ đăng ký thường trú đối với đương sự Lý Thị T8 vào hồ sơ trên và tại Báo cáo xác minh

của Công an P5, Quận A ngày 18/4/2022, có nội dung: Trước năm 1971, hộ bà Lý Thị S1 có hộ khẩu thường trú tại số A L, Phường C, Quận A; sau năm 1971 chuyển cả hộ về căn nhà A L, Phường C, Quận A đến nay cùng 03 người con Lý Thị Thu H, Lý Thị Thu V, Lý Thị Thu T2. Trong giấy khai sinh của 03 người con không thể hiện tên cha. Ngày 17/3/2018, bà Lý Thị S1 chết. Mọi quan hệ giữa ông Lê Văn N và bà Lý Thị S1 không có giấy tờ để chứng minh. Như vậy, tại số nhà A và số A L, Phường C, Quận A, không có ai là Lý Thị Tư . Đồng thời, tại các bản tự khai của những người thừa kế của ông Lê Văn Nghĩa l bà Lý Thị Thu H, bà Lý Thị Thu V, Lý Thị Thu T2, Lý Thị Thu T1 cùng ngày 27/4/2021, thống nhất xác nhận mẹ của chúng tôi theo giấy tờ là bà Lý Thị S1 (do ở nhà bà Lý Thị S1 là thứ tư trong gia đình nên gọi tên mẹ của chúng tôi là T8).

[7] Xét, đây là vụ án tuyên bố Văn bản khai nhận thừa kế vô hiệu và trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn ông Lê Văn N, chết nên bà Lý Thị S1 và bà Lý Thị T8 có phải là một người hay không cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[8] Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N1, bà Lý Thị Thu T1, bà Lý Thị Thu V, bà Lý Thị Thu T2; bị đơn Phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh ủy quyền cho ông Nguyễn Minh T3 đại diện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông/bà Nguyễn Kim C, Nguyễn Mai Thu P, Nguyễn Mai Trung P1, Nguyễn Mai Hậu P2, Nguyễn Mai Uy P3, Nguyễn Mai Ngọc P4 có yêu cầu xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N3, ông Nguyễn Văn T4, ông Nguyễn Văn T6, bà Nguyễn Thị L1 đã được tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần hai nhưng vắng mặt không lý do. Đồng thời, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp đối với bà Nguyễn Thị T5, với nội dung thông báo mở Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và mở phiên tòa xét xử sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Tuyết .1 Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có Công văn số 3734/BTP-PLQT ngày 30/7/2015 và số 2093/CH-BTP ngày 22/8/2018, về việc thực hiện ủy thác tư pháp gửi Bộ N6 (Cục L3) và Bộ Tư Pháp nước Cộng hòa Pháp để tiến hành thực hiện ủy thác tư pháp. Tuy nhiên, đến nay bà Nguyễn Thị T5 không hồi âm và vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 474; Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định của pháp luật.

[9] Theo Trích lục khai tử (bản sao) số 678/TLKT- BS ngày 17/7/2019 của Ủy ban nhân dân phường P, quận T, thể hiện: Ông Lê Văn N, sinh ngày 01/01/1947, chết ngày 11/7/2019.

[10] Theo Trích lục khai tử (bản sao) số 166/TLKT do Ủy ban nhân dân Phường C2, Quận A cấp ngày 17/3/2018, thể hiện: Bà Lý Thị S1, chết ngày 17/3/2018.

[11] Theo Trích lục khai sinh (bản sao) số 2005/TLKS-BS do Ủy ban nhân dân Quận E cấp ngày 13/6/2019 của bà Lý Thị Thu H; Trích lục khai sinh (bản sao) số 85/TLKS-BS do Ủy ban nhân dân Quận E cấp ngày 11/01/2016 của bà Lý Thị Thu T1; Trích lục bổ sung hộ tịch của bà Lý Thị Thu V, bà Lý Thị Thu T2 do Ủy ban nhân dân Phường C2, Quận A cấp ngày 16/7/2018; Tờ tường trình cam kết của bà Nguyễn Ngọc N1 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Kết quả xác minh của Công an quận T ngày 13/12/2020, ngày 29/3/2021; Báo cáo xác minh của Công an P5, Quận A ngày 18/4/2022 và lời trình bày của những người thừa kế của ông Lê Văn N xác nhận thống nhất, ông Lê Văn N có vợ là bà Lê Thị S, chết ngày 17/3/2018 và có 04 người con là bà Lý Thị Thu H, bà Lý Thị Thu T1, bà Lý Thị Thu V, bà Lý Thị Thu T2. Ngoài ra, ông N còn chung sống với bà Nguyễn Ngọc N1, không có đăng ký kết hôn và không có con chung.

[12] Xét, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn N, chết ngày 11/7/2019. Do đó, bà Nguyễn Ngọc N1, bà Lý Thị Thu H, bà Lý Thị Thu T1, bà Lý Thị Thu V, bà Lý Thị Thu T2 là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Lê Văn N theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[13] Theo Giấy phép hợp thức hóa quyền sở hữu nhà số 2833/GP-UB ngày 15/4/1993 của Ủy ban nhân dân quận T thể hiện: Ông Nguyễn Văn K là sở hữu chủ căn nhà 1 đường số D, Phường A, quận T.

[14] Theo Quyết định của Ủy ban nhân dân quận T về việc cấp phó bản giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà số 26/QĐ-PB-UB ngày 09/9/1997 của Ủy ban nhân dân quận T có nội dung: Nay cấp phó bản giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà để thay thế bản chính do Ủy ban nhân dân quận T đã cấp số 2833/GP-UB ngày 15/4/1993. Nội dung phó bản được chép lại mặt sau của quyết định này. Hủy bỏ bản chính giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà số 2833/GP-UB ngày 15/4/1993 của Ủy ban nhân dân quận T. Quyết định này chỉ cấp 01 bản cho đương sự và có hiệu lực từ ngày ký.

[15] Theo Giấy chứng tử (bản sao) số 12/1994, quyển số 01/1994/P.18 do Ủy ban nhân dân quận T sao từ sổ đăng ký khai tử ngày 19/7/2010, thể hiện: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1920, chết ngày 29/8/1994.

[16] Theo Giấy chứng tử (bản sao) số 56/2006, quyển số 01/QH do Ủy ban nhân dân phường P, quận T sao từ sổ đăng ký khai tử ngày 03/8/2006, thể hiện: Bà Võ Thị H1, sinh ngày 10/3/1918, chết ngày 09/6/2006.

[17] Theo Trích lục bộ khai sinh, Giấy khai sinh (bản sao) và Quyết định về việc thay đổi hộ tịch số 10525/QĐ-HT ngày 15/8/1997 của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Bà Nguyễn Thị B, sinh ngày 12/01/1952; bà Nguyễn Thị N3, sinh ngày 07/3/1955; ông Nguyễn Văn T4, sinh ngày 02/10/1956; bà Nguyễn Thị T5, sinh ngày 06/6/1958; ông Nguyễn Văn T6, sinh ngày 07/12/1960; bà Nguyễn Thị L1, sinh ngày 02/9/1962. Cha là ông Nguyễn Văn K (chết) mẹ là Võ Thị H1 (Võ Thị N5).

[18] Theo Văn bản khai nhận thừa kế (di sản của ông Nguyễn Văn K, chết ngày 29/8/1994 và bà Võ Thị H1 (Võ Thị N5), chết ngày 09/6/2006) có chứng nhận của Phòng Công chứng số 5 Thành phố C1 ngày 17/01/2011 có nội dung: Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị T5, bà Nguyễn Thị N3 (bà N3 hành động nhân danh cá nhân đồng thời làm đại diện theo ủy quyền của bà T5), ông Nguyễn Văn T6, bà Nguyễn Thị L1 là con của ông Nguyễn Văn K1 và bà Võ Thị H1 (Võ Thị N5). Chúng tôi là những người thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn K, chết ngày 29/8/1994 và bà Võ Thị H1 (Võ Thị N5), chết ngày 09/6/2006). Những người nhận di sản thừa kế: Cha mẹ của ông K và bà H1, không rõ họ tên, chết trước năm 1975; chồng của bà H1 là ông K chết năm 1994. Từ khi ông K chết đến khi bà H1 chết, bà H1 không kết hôn với ai khác (theo cam kết của ông Nguyễn Văn T6). Ông K và bà H1 có 06 người con: Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị T5, bà Nguyễn Thị N3, ông Nguyễn Văn T6, bà Nguyễn Thị L1 (trong đó bà T5 chỉ được hưởng giá trị phân thừa kế). Trước khi chết ông K và bà H1 không để lại di chúc hoặc bất kỳ một nghĩa vụ tài sản nào mà những người thừa kế của ông K và bà H1 phải thực hiện. Do đó, các con của ông K và bà H1 nêu trên được trọn quyền thừa kế di sản của ông K và bà H1 để lại là toàn bộ căn nhà số A Đường số D, Phường A, quận T (nay là số C đường V, phường P, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh.

[19] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH00105 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 08/3/2012 thể hiện: Ông Nguyễn Văn T6 là đại diện của những người được thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của cha mẹ là ông Nguyễn Văn K và bà Võ Thị H1 (Võ Thị N5). Nhà đất chưa phân chia thừa kế, không được thực hiện các giao dịch. Tại thửa đất số 533, tờ bản đồ số 2, diện tích 131,7m²; nhà ở địa chỉ C V, phường P, quận T, diện tích xây dựng 98,4m², diện tích sàn 98,4m², kết cấu tường gạch, mái tôn, cấp 3, số tầng 1.

[20] Theo Giấy khai sinh số 631/2014, quyển số 04/2014 do Ủy ban nhân dân phường P, quận T ngày 31/12/2014, thể hiện: Ông Lê Văn N, sinh năm 1941, họ và tên cha: (bỏ trống) và họ và tên mẹ Võ Thị H1.

[21] Căn cứ Giấy phép hợp thức hóa quyền sở hữu nhà số 2833/GP-UB ngày 15/4/1993 của Ủy ban nhân dân quận T và Quyết định của Ủy ban nhân dân quận T về việc cấp phó bản giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà số 26/QĐ-PB-UB ngày 09/9/1997, có căn cứ xác định nhà và đất tọa lạc tại số A đường số D, Phường A, quận T (nay là số C đường V, phường P, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn K và bà Võ Thị H1 (Võ Thị N5).

[22] Xét, ông Nguyễn Văn K, chết ngày 29/8/1994 và bà Võ Thị H1 (Võ Thị N5), chết ngày 09/6/2006, không để lại di chúc. Bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị N3, ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị T5, ông Nguyễn Văn T6, bà Nguyễn Thị L1 lập Văn bản khai nhận thừa kế (di sản của ông Nguyễn Văn K, chết ngày 29/8/1994 và bà Võ Thị H1 (Võ Thị N5), chết ngày 09/6/2006) có

chứng nhận của Phòng Công chứng số 5 Thành phố C1 ngày 17/01/2011, không khai nhận thừa kế ông Lê Văn N, là con của bà Võ Thị H1 (theo Giấy khai sinh số 631/2014, quyển số 04/2014 do Ủy ban nhân dân phường P, quận T ngày 31/12/2014), đối với di sản của ông K và bà H1 là căn nhà số A Đường số D, Phường A, quận T (nay là số C đường V, phường P, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh, là thiếu sót. Do đó, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H và nguyên đơn yêu cầu tuyên bố Văn bản khai nhận thừa kế (di sản của ông Nguyễn Văn K, chết ngày 29/8/1994 và bà Võ Thị H1 (Võ Thị N5), chết ngày 09/6/2006) do bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị N3, ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị T5, ông Nguyễn Văn T6, bà Nguyễn Thị L1 lập có chứng nhận của Phòng Công chứng số 5 Thành phố C1 ngày 17/01/2011 vô hiệu, là có căn cứ nên chấp nhận.

[23] Xét, Phòng Công chứng số 5 Thành phố C1 chứng nhận Văn bản khai nhận thừa kế, số công chứng 1345 ngày 17/01/2011 là đúng trình tự, thủ tục quy định. Tuy nhiên, như đã nhận định trên, Văn bản khai nhận thừa kế ngày 17/01/2011, do bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị N3, ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị T5, ông Nguyễn Văn T6, bà Nguyễn Thị L1 là những người thừa kế của ông K và bà H1 khai nhận di sản thiếu đồng thừa kế ông Lê Văn Nghĩa 1 do lỗi của những người khai nhận thừa kế di sản. Do đó, bị đơn Phòng Công chứng số 5 Thành phố C1 ủy quyền cho ông Nguyễn Minh T3 đại diện không đồng ý đối với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu tuyên bố vô hiệu Văn bản khai nhận thừa kế số 1345 do Phòng Công chứng số 5 Thành phố C1 chứng nhận ngày 17/01/2011, là không có căn cứ.

[24] Tại Biên bản lấy lời khai do Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai lập ngày 25/12/2015 và Biên bản ghi lời khai do Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai lập ngày 07/12/2015, bà Nguyễn Thị N3 và ông Nguyễn Văn T4 xác nhận nguồn gốc nhà đất tại số A Đường số D, Phường A, quận T (nay là số C đường V, phường P, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh là do cha mẹ của chúng tôi là ông Nguyễn Văn K và bà Võ Thị H1 tạo lập. Như đã nhận định, việc bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị N3, ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị T5, ông Nguyễn Văn T6, bà Nguyễn Thị L1 là những người thừa kế của ông K và bà H1 khai nhận thừa kế di sản thiếu đồng thừa kế ông Lê Văn N (là con của bà Võ Thị H1), là do lỗi của những người khai nhận thừa kế di sản nêu trên. Do đó, bà Nguyễn Thị N3 và ông Nguyễn Văn T4 cho rằng, ông N không liên quan đến tài sản nhà, đất số A Đường số D, Phường A, quận T (nay là số C đường V, phường P, quận T) và ông N không có quyền yêu cầu hủy hay tuyên bố vô hiệu đối với văn bản khai nhận di sản thừa kế nêu trên là không có căn cứ.

[25] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Tuyên bố Văn bản khai nhận thừa kế (di sản của ông Nguyễn Văn K, chết ngày 29/8/1994 và bà Võ Thị H1 (Võ Thị N5), chết ngày 09/6/2006) có chứng nhận của Phòng

Công chứng số 5 Thành phố C1 ngày 17/01/2011 vô hiệu, là có căn cứ nên chấp nhận.

[26] Về phí, chi phí ủy thác tư pháp: Bà T là người đại diện của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn tự nguyện chịu (đã nộp đủ).

[27] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 11 Điều 26; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 74; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 474; Điều 477; khoản 3 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 132; điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 50 Luật Công chứng năm 2006;

Căn cứ khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2009;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N, chết ngày 11/7/2019, có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N gồm: Bà Nguyễn Ngọc N1, bà Lý Thị Thu H, bà Lý Thị Thu T1, bà Lý Thị Thu V, bà Lý Thị Thu T2.

Tuyên bố Văn bản khai nhận thừa kế (di sản của ông Nguyễn Văn K, chết ngày 29/8/1994 và bà Võ Thị H1 (Võ Thị N5), chết ngày 09/6/2006), số 1345, quyển số 01 TP/CC-SCC/TK do Phòng Công chứng số 5 Thành phố C1 chứng nhận ngày 17/01/2011 vô hiệu.

2. Chi phí, phí ủy thác tư pháp:

2.1. Chi phí ủy thác tư pháp: Bà Dương Thị Diệu T là người đại diện theo ủy quyền của bà Lý Thị Thu H là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn tự nguyện chịu (đã nộp đủ).

2.2. Phí ủy thác tư pháp: Bà Dương Thị Diệu T là người đại diện theo ủy quyền của bà Lý Thị Thu H là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn tự nguyện chịu 350.000đ (ba trăm năm mươi ngàn đồng), được trừ vào số tiền 350.000đ (ba trăm năm mươi ngàn đồng) do người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn N nộp theo các biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0003662 ngày 23/6/2015 và số 0016273 ngày 26/6/2018 cùng của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Phòng Công chứng số 5 Thành phố C1 chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho ông Lê Văn N (chết), có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nghĩa là bà Nguyễn Ngọc N1, bà Lý Thị Thu H, bà Lý Thị Thu T1, bà Lý Thị Thu V, bà Lý Thị Thu T2 số tiền 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002933 ngày 23/01/2015 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Án xử công khai sơ thẩm, bà Lý Thị Thu H ủy quyền cho bà Dương Thị Diệu T đại diện có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Ngọc N1, bà Lý Thị Thu T1, bà Lý Thị Thu V, bà Lý Thị Thu T2, Phòng Công chứng số 5 Thành phố C1, bà Nguyễn Thị N3, ông Nguyễn Văn T4, ông Nguyễn Văn T6, bà Nguyễn Thị L1, ông/bà Nguyễn Kim C, Nguyễn Mai Thu P, Nguyễn Mai Trung P1, Nguyễn Mai Hậu P2, Nguyễn Mai Uy P3, Nguyễn Mai Ngọc P4 vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Bà Nguyễn Thị T5, hiện cư trú ở nước ngoài vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA DS TPHCM;
- Chi cục THA DS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu (T/.27)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Lê Ngọc Tường